

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TRỒNG TRỌNG
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 773 /BC-CCTTBVTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đến ngày 01 tháng 8 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, chiều và đêm có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và rải rác có dông. Gió tây nam cấp 2 - 3. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 29°C - 32°C.

Dự báo tuần tới: Có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và dông. Nhiệt độ trung bình từ: 27°C - 28°C. Giá trị tổng lượng mưa 40 - 70 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	509,0
Đé nhánh	108,5	Đé nhánh	59,0
Làm dòng	806,0	Làm dòng	-
Trổ	1.044,5	Trổ	-
Chín	223,0	Chín	-
Thu hoạch	2.757,0	Thu hoạch	-
Tổng	4.908,5	Tổng	568,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Mùa 2023	1.973,0		2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.102
- RALNN	Nhiều giai đoạn	454,3	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	127,3	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	112,6	Bắp	Sinh trưởng	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	63,1	Khoai mì	Sinh trưởng	-

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	83,1	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.390,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	495,5			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn							
			24/7	25/7	26/7	27/7	28/7	29/7	30/7	31/7
1	Củ Chi	Thái Mỹ	164	150	128	139	92	78	56	67
		Trung Lập Thượng	71	71	60	66	63	64	64	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu đục thân	2-3			1-5	BC
2	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM,BC
3	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM
4	Sâu phao	1-5			1-5	HM,BT
5	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM,BC
6	Đốm vằn	3-5%			1-3	HM,BC
7	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM,BT
8	Chuột	3			Các giai đoạn	BT,BC

b) Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
2	Sâu phao	1-5			1-5	CC
3	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
4	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

c) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đốm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dura leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 802 ha, giảm 05 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Hóc Môn, Bình Chánh. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 84,6 ha, tương đương so với tuần trước.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 638 ha, giảm 23 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 53 ha, tăng 10 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích 10,5 ha, tăng 1,5 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 5,5 ha, tăng 0,1 ha so với tuần trước.

b) Cây lúa vụ Mùa 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 196 ha, tăng 73 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng, chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 63,0 ha, tăng 20 ha so với tuần trước.
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 27,0 ha, tăng 27 ha so với tuần trước.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 64,0 ha, tăng 17 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 42,0 ha, tăng 9,0 ha so với tuần trước.

c) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 394,3 ha, tăng 16,3 ha so với tuần trước, trong đó diện tích phòng trừ là 233,7 lượt ha chiếm 59,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, bọ nhảy, sâu xanh, sâu tơ, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 61,3 ha, tăng 9,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.
- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 25,8 ha, tăng 5,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.
- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 13,8 ha, tăng 0,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.
- Sâu tơ: Diện tích nhiễm 11,8 ha, tăng 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.
- Rầy xám: Diện tích nhiễm 16,6 ha, giảm 1,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, Quận 12, huyện Hóc Môn.
- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 22,2 ha, tăng 1,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi và Quận 12.
- Bệnh thối nhũn: Diện tích nhiễm 7,9 ha, tăng 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

c) Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 31,8 ha tăng 3,8 ha so với kỳ trước. Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 29,8 ha chiếm 93,8% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,5 ha, tăng 1,7 ha so với kỳ trước.
- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 16,6 ha, tăng 2,1 ha so với kỳ trước.

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với kỳ trước.

d) Trên cây trồng khác

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRÙ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 5 - trưởng thành với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của rầy trên đồng cũng như tình hình rầy vào đèn tại địa phương để có biện pháp quản lý hiệu quả đối tượng này. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa vụ Mùa càn chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, xuống giống tập trung theo lịch thời vụ của cơ quan chuyên môn.

- Điều kiện thời tiết có mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh hại trên lúa phát triển mạnh. Chú ý bệnh đạo ôn lá gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đồng, bệnh đạo ôn cổ bông trên trà lúa giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo thăm đồng, nắm sát diễn biến của bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý có hiệu quả.

- Mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho ốc bươu vàng di chuyển gia tăng diện tích nhiễm. Trên các ruộng lúa mới xuống giống <15 ngày, ruộng thấp trũng, khó thoát nước cần lưu ý ốc bươu vàng gây hại.

- Chú ý bọ xít hôi, chuột hại trên lúa giai đoạn làm đồng - trổ chín; sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đồng - trổ, bọ trĩ, sâu phao giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Theo dõi bệnh khâm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sắn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên lúa vụ Hè thu năm 2023 và và tình hình xuống giống vụ Mùa năm 2023.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại sắn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.
- Trên nhóm cây có mũi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có mũi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Vui*

Noi nhận:

- Trung tâm BVTM Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TT BVTM các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTM, TT;
- Trạm TT BVTM;
- Lưu: VT, BVTM.ĐTH (02).

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trương Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: **7B**/BC-CCTTBVTV, ngày **02** tháng **8** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu đục thân	6			6		2		BC
2	Sâu cuốn lá	84,6			84,6	84,6	46,5		HM,BC
3	Bọ xít hôi	3,1			3,1	2,5	28,4		HM
4	Sâu phao	1,3			1,3	1,5	1,4		HM,BT
5	Đạo ôn	10,5			10,5	9	56,4		HM,BC
6	Đóm vằn	5,5			5,5	5,4	21		HM,BC
7	OBV	638			638	661	366		HM,BT
8	Chuột	53			53	43	63		BT,BC
9	Vàng lá	-			-		7		-
	Tổng	802,0			802,0	807,0	591,7		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 773/BC-CCTTBVTV, ngày 02 tháng 09 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ trĩ	63,0			63,0	43			CC
2	Sâu phao	27,0			27,0	-			CC
3	OBV	64,0			64,0	47			CC
4	Chuột	42,0			42,0	33			CC
	Tổng	196,0			196,0	123,0			

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phiếu lục III

TỔNG HỢP ĐIỀN TICHH NHIỆM SINH VẬT GẦY HẢI CHỦ YẾU TRÊN CÁY RAU

Kèm theo Báo cáo số: **TB/BC-CCTTBVT**, ngày **08 tháng 8 năm 2023** của Chi cục Trồng rau và Bảo vệ thực vật

STT	Tên SVCH	Điểm tích nhiem (ha)		Tổng DTN (+/-)		So sánh DTN (+/-)		DT	Phân bón	Trù (ha)	CKNT	Phong trào	MT	Nồng DTN (ha)	Nhé-Tb	Nặng	DTN (ha)	Ký trùөе	CKNT	Phong trào	Trù (ha)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Điểm tích nhiem (ha)	Tổng DTN (+/-)	So sánh DTN (+/-)	DT																										
1	Bò nhay	13,8		13,26	17,0	9,4	HM, Q12,BC,BT																								
2	Sau xanh	25,8		20,4	24,0	18,1	HM,Q12,CC,BC,BT																								
3	Sau to	11,8		11,0	8,4	7,8	TD, HM, Q12, BC, BT																								
4	Đồi đúc lô	0,2		0,2	0,2	0,6	0,1	HM																							
5	Sau đúc trái	1,8		1,8	1,8	1,5	1,8	BC																							
6	Sau ăn tấp	61,3		51,8	79,1	37,1	TD, HM, Q12, CC, BC, BT																								
7	Bò trĩ	0,8		0,8	0,8	0,9	0,8	BC																							
8	Rây mèm	1,1		1,1	1,1	1,3	1,0	BC, BT																							
9	Rây xanh	0,7		0,7	0,6	0,3	0,4	BC, HM																							
10	Rây xám	16,6		16,6	18,1	49,8	8,5	HM, Q12																							
11	Sau đúc đốt	0,9		0,9	0,9	1,2	0,9	BC																							
12	Bò xít đèn	4,0		4,0	4,0	1,0	4,0	TD																							
13	R子弟 đúc trái	4,3		4,3	4,3	4,1	4,3	BC																							
14	OBV	208,6		208,6	208,6	110,1	TD, HM, Q12																								
15	Ôc sen	0,60		0,60	0,60	0,6	0,5	Q12, BC																							
16	Thịn/nir/cái	7,9		7,9	7,6	9,3	5,2	HM, Q12, BC																							
17	Rì trảng/RM	22,2		22,2	21,1	32,5	15,7	TD, HM, Q12, CC, BC, BT																							
18	Đóm lá	4,7		4,7	4,6	10,8	3,4	BC, HM, Q12																							
19	Ph.vang/đua leo, khô qua	0,4		0,4	0,4	0,9	0,2	HM																							
20	Vàng lá	6,8		6,8	6,8	4,3	4,4	TD, HM																							

Điểm tích nhiem (ha) = So sánh DTN (+/-) - DT

Phụ lục IV

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIENG

(Kèm theo Báo cáo số: 773 /BC-CCTTBVTV, ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhỏ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	14,5			14,5	12,9	12,1	13,8	
1	Muỗi hại bông	5,5			5,5	5,2	6,8	5,4	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,8			0,8	0,6	0,6	0,7	CC, BC
5	Óc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TĐ, CG
6	Đồm lá	3,2			3,2	2,7	2,0	3,0	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,8			1,8	1,7	0,2	1,8	CG, Q7
8	Thối nhũn	1,2			1,2	0,8	0,9	1,0	CC, BC, CG, Q7
9	Đồm đen	0,4			0,4	0,4	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,2			0,2	0,1	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,2			0,2	0,1	0,1	0,2	TĐ
II	Hoa mai	16,6			16,6	14,5	48,9	15,4	
1	Nhện đỏ	2,1			2,1	1,9	6,8	2,1	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	6,2			6,2	4,5	18,4	6,2	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,0			3,0	3,2	8,9	3,0	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,0			0,0	0,0	-	0,0	HM
5	Rầy xanh	1,1			1,1	1,0		1,1	BC
6	Cháy lá	1,5			1,5	1,3	4,2	1,4	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,4			0,4	0,4	0,4	0,4	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,2	0,2	1,2	BC, BT
9	Rong rêu	1,0			1,0	1,0	10,0	-	TĐ
III	Cây hoa khác	0,7			0,7	0,7	0,8	0,7	TĐ, CC, BC, CG
	Tổng cộng	31,8			31,8	28,0	61,8	29,8	